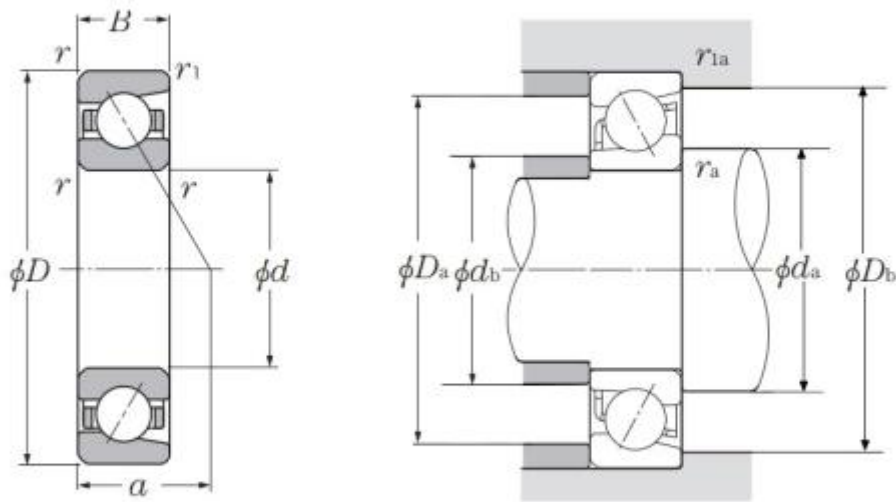


## Vòng bi NTN 7001UCG/GNP42



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                        |         |
|----------------------------------------|---------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất            | NTN     |
| d - Đường kính lỗ trục                 | 12 mm   |
| D - Đường kính ngoài                   | 28 mm   |
| B - Chiều rộng                         | 8 mm    |
| d1 - Đường kính ngoài vòng trong       | 17,9 mm |
| d2 - Đường kính gờ của vòng trong      | 16,7 mm |
| D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài | 23,1 mm |

|                                             |                  |
|---------------------------------------------|------------------|
| D2 - Đường kính trong vòng ngoài            | 25,6 mm          |
| a - Điểm ứng dụng tải trọng                 | 6,8 mm           |
| $\alpha$ - Góc tiếp xúc                     | 15 °             |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu            | 0,3 mm           |
| r1s - Bán kính góc lượn tối thiểu           | 0,15 mm          |
| Lớp chính xác                               | P42              |
| Trọng lượng                                 | 0,021 kg         |
| <b>HIỆU SUẤT SẢN PHẨM</b>                   |                  |
| C - Tải trọng động cơ bản danh định         | 6,45 kN          |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định        | 2,93 kN          |
| f0 - Hệ số                                  | 13.4             |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu        | 91400 tr/min     |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ         | 57100 tr/min     |
| Mức tải trước                               | GN               |
| Giá trị tải trước                           | 0,039 kN         |
| Độ cứng trục                                | 24,8 N/ $\mu$ m  |
| Độ cứng xuyên tâm                           | 128,4 N/ $\mu$ m |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu         | -20 °C           |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa            | 120 °C           |
| <b>GIỚI HẠN</b>                             |                  |
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 14,5 mm          |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 25,5 mm          |
| Db max - Đường kính vai tối đa OR           | 26,8 mm          |
| r1a - Bán kính góc lượn tối đa              | 0,15 mm          |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 0,3 mm           |



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor